TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-PT
Ngày: 05-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo L.P.Đ do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2021/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **L.P.Đ**, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TA, xã LT, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông L.V.T (chết) và bà N.T.T; bị cáo có 01 người con nuôi sinh năm 2004; tiền án: tại Bản án hình sự số: 38/2019/HSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xử phạt L.P.Đ 09 tháng cải tạo không giam giữ về "Tội trộm cắp tài sản"; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà N.T.T, sinh năm 1942. Nơi cư trú: ấp TA, xã LT, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà T.T.C.T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Đ.T.T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp TA, xã LT, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/6/2020, L.P.Đ đứng tại nhà mình chửi sang nhà chị Đ.T.T do L.P.Đ cho rằng chị Đ.T.T đổ rác xuống mương nước làm ảnh hưởng đến nước sinh hoạt. Sau đó, L.P.Đ mang theo một con dao đi đến trước nhà chị Đ.T.T tiếp tục đứng chửi một lúc rồi bỏ về. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, L.P.Đ điều khiển xe mô tô đi đến vị trí chiếc xe Kobe mà L.P.Đ lái thuê cho anh N.M.T (sinh năm xxxx; nơi cư trú: ấp SL, xã SĐ, huyện Chợ Lách) đang đậu để tháo ống dẫn nhớt thủy lực của xe mang về do bị hỏng. Trên đường về, L.P.Đ nhìn thấy chị Đ.T.T đang điều khiển xe ngược chiều nên quay đầu xe lại đuổi theo chị Đ.T.T đến nhà anh Đ.T.C (sinh năm xxxx, ngụ cùng ấp) là Trưởng ấp TA, xã LT. Tại sân nhà anh Đ.T.C, chị Đ.T.T đang trình bày sự việc bị L.P.Đ chửi cho anh Đ.T.C nghe thì L.P.Đ điều khiển xe chạy đến và bước xuống xe cầm theo đoạn ống dẫn nhớt thủy lực đi đến đứng đối diện với chị Đ.T.T rồi hai bên xảy ra cự cãi. L.P.Đ dùng tay phải cầm đoạn ống dẫn nhớt thủy lực đánh vào vùng mặt bên trái của chị Đ.T.T một cái theo hướng từ phải qua trái, hơi xéo từ dưới lên làm cho chị Đ.T.T bị sưng nề má trái kích thước 04cm x 04cm, dập nát tai trái kích thước 03cm x 01cm, vết thương má trái kích thước 03cm x 01cm. Thấy vậy, anh Đ.T.C lao vào khống chế L.P.Đ, giật lấy đoạn ống dẫn nhớt thủy lực, L.P.Đ bỏ ra về. Anh Đ.T.C gọi điện thoại đến Công an xã LT tố giác hành vi của L.P.Đ. Chị Đ.T.T được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình Chiểu.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 105/CN ngày 03/7/2020 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thì tình trạng thương tích lúc vào viện của chị Đ.T.T như sau: Sưng nề má trái kích thước 04cm x 04cm; Vết thương tai trái kích thước 03cm x 01cm; Vết thương má trái kích thước 03cm x 01cm; CT Scanner sọ não: không máu tụ nội sọ; Xquang mặt: không gãy xương.

* Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 193-720/TgT ngày 29/7/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận dấu hiệu chính qua giám định thương tích của chị Đ.T.T như sau: Vết thương vành tai trái kích thước 03cm x 01cm, hiện đã lành sẹo kích thước 04cm x 01cm; Vết thương mặt (dưới dái tai) trái đã lành sẹo kích thước 08cm x 01cm.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 05% (năm phần trăm).

* Theo bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 673/KL-VPYTW ngày 30/11/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa thì tại thời điểm gây án, L.P.Đ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiện nay đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 11/8/2020, bị hại Đ.T.T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của L.P.Đ.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo L.P.Đ phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo L.P.Đ 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2021 bị hại Đ.T.T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vắng mặt lần thứ hai. Tuy nhiên tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2021 bà Đ.T.T có ý kiến không thay đổi yêu cầu khởi tố và yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.P.Đ phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Riêng tình tiết "Phạm tội có tính chất côn đồ" đối với bị cáo là không phù hợp, do tại thời điểm gây án L.P.Đ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Xét kháng cáo của bị hại, bị hại đưa ra tình tiết cho rằng Tòa án xử phạt bị cáo không giống như Kiểm sát viên đề nghị để tăng hình phạt đối với bị cáo, lý do này không phải là tình tiết tăng nặng, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết tăng nặng mới, bị cáo không phạm vào tình tiết định khung có tính chất côn đồ, không có kháng cáo giảm nhẹ nên giữ nguyên hình phạt tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên và không chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa phần điểm của điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm

a khoản 1 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.P.Đ 09 tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích". Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ y án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng có lỗi hứa sau này không vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 08 giờ ngày 19/6/2020, xuất phát từ việc L.P.Đ cho rằng chị Đ.T.T có hành vi đổ rác xuống mương nước ảnh hưởng đến nước sinh hoạt, dẫn đến hai bên có cự cãi và L.P.Đ đã có hành vi dùng hung khí là một đoạn ống nhựa màu đen dài 1,17 mét, chu vi 4,4cm, hai đầu ống nhựa được bọc một đoạn kim loại màu trắng dài 5,3cm, đường kính 1,5cm, mỗi đầu của đoạn kim loại có gắn một con ốc vặn (đoạn ống dẫn nhớt thủy lực) là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng mặt trái của chị Đ.T.T gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 05%. Chị Đ.T.T có yêu cầu xử lý hình sự đối với L.P.Đ. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.P.Đ phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với tình tiết định khung tăng nặng "Phạm tội có tính chất côn đồ" (điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) thấy rằng, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 673/KL-VPYTW ngày 30/11/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa thì tại thời điểm gây án, L.P.Đ "Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi". Như vậy, khi gây án L.P.Đ không phải là người hoàn toàn bình thường, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết "Phạm tội có tính chất côn đồ" đối với bị cáo là không phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị hại thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; tại thời điểm phạm tội bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi mẹ già không có khả năng lao động, bị cáo có anh cùng cha khác mẹ là liệt sĩ (theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với bị cáo vì cho rằng Tòa án xét xử trái quan điểm của Viện kiểm sát huyện, xét đây là quan điểm không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm, tuy nhiên cấp phúc thẩm xác định bị cáo không phạm vào tình tiết định khung có tính chất côn đồ. Do tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại thấp dưới 11% bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm nên đã bị truy tố. Tại cấp phúc thẩm bị cáo giảm đi một tình tiết định khung tăng nặng, không có thêm tình tiết tăng nặng, không có kháng cáo giảm nhẹ hình phạt tù nên giữ nguyên mức hình phạt tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp và không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[4] Về án phí, bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo L.P.Đ phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **L.P.Đ** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị hại Đ.T.T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí

hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã LT, huyện Chợ Lách (1b);
- Bị cáo và đại diện hợp pháp (2b);
- Người bào chữa (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh